

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;
- Luật nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
- Nghị quyết số 71-QĐ/TW ngày 22/8/2025, Nghị quyết của bộ chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
- Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2024 Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Quyết định số 525/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030.
- Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/01/2022: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
- NQ số 218/2025/QH Nghị quyết về PCGDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi.
- Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 về việc ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
- Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; Thông tu 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của chính phủ Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Chương trình Giáo dục mầm non (Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009; Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi bổ sung một số nội dung chương trình GDMN.

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non.

- Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Thông tư quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT).

- Thông tư quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024).

- Nghị quyết Đảng Bộ xã Mường Pồn lần thứ I nhiệm kỳ 2025 -2030;

- Nghị quyết Chi bộ trường mầm non số 2 Mường Mươn nhiệm kỳ 2025 - 2027.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Thực trạng phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2021–2025

Nhà trường hiện có 246 trẻ/06 điểm trường (88 trẻ nhà trẻ, 158 trẻ mẫu giáo), tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 67,7%, mẫu giáo đạt 100%. Đội ngũ gồm 28 cán bộ, giáo viên, nhân viên (03 quản lý, 21 giáo viên, 04 nhân viên), 100% đạt chuẩn, 87,5% trên chuẩn; có 14 giáo viên giỏi cấp trường, 06 cấp huyện, 01 cấp tỉnh.

Cơ sở vật chất gồm 13 phòng học kiên cố, 6 khối phòng hành chính – quản trị, 04 bếp ăn (1 bếp Kiên cố, 3 bếp tạm), 06 sân chơi; trang thiết bị được bổ sung song còn thiếu ti vi thông minh, máy tính cho học sinh làm quen phần mềm. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được đảm bảo: 96% trẻ chuyên cần, tỷ lệ suy dinh dưỡng dưới 4%; 100% trẻ ăn bán trú, khẩu phần hợp lý; trẻ mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp.

Kết quả nổi bật: duy trì phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, xây dựng môi trường giáo dục an toàn – thân thiện, đội ngũ đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp và

ứng dụng CNTT; 100% giáo viên xếp loại chuyên môn khá, giỏi; 100% viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ (trong đó 23,07% hoàn thành xuất sắc).

Tuy nhiên diện tích khuôn viên còn chật hẹp; cơ sở vật chất chưa đồng bộ, nhiều phòng học và phòng chức năng, bếp là phòng tạm nhiều hạng mục xuống cấp, chưa đạt chuẩn theo Thông tư 13/2020 và Thông tư 23/2024; một bộ phận giáo viên hạn chế trong đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT; công tác xã hội hóa giáo dục còn khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

2.2. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Nhà trường chưa đạt kiểm định chất lượng và được công nhận Trường chuẩn quốc gia.

Điểm mạnh: 100% Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó cán bộ giáo viên trên chuẩn $21/24=87,5\%$; đa số có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, tích cực đổi mới phương pháp. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đảm bảo theo đúng quy định, tỉ lệ suy dinh dưỡng giảm dần qua từng năm; môi trường sư phạm được xây dựng xanh – sạch – đẹp, an toàn, thân thiện, trường đạt trường học hạnh phúc. Nhà trường đã triển thực hiện tốt đề án 06 “*Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030*” (ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Những nội dung cần nâng cao: việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy mới dừng ở mức cơ bản, hiệu quả chưa cao; năng lực ngoại ngữ và tin học của một bộ phận giáo viên còn hạn chế. Cơ sở vật chất còn thiếu chưa đáp ứng được tiêu chí trường chuẩn

Những nội dung cần làm mới: Xây dựng kho học liệu số phục vụ quản lý và giảng dạy; triển khai giáo dục STEM, giáo dục cảm xúc xã hội (ESED) trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học; phát triển mô hình giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được học tập, vui chơi cùng bạn bè. Đồng thời, tăng cường hợp tác với phụ huynh và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2.3. Yêu cầu phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2025–2030

2.3.1. Phát triển đội ngũ: Bảo đảm 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, trong đó trên 95% đạt trình độ trên chuẩn; 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn chức danh theo quy định, có kỹ năng quản trị hiện đại; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, năng lực số và ngoại ngữ cho giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

2.3.2. Cơ sở vật chất – kiểm định – chuẩn quốc gia: Từng bước hoàn thiện hệ thống phòng học, phòng chức năng, khu vệ sinh, bếp ăn, sân chơi theo tiêu chuẩn thiết kế mới (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT sửa đổi). Phấn đấu đến năm 2030, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng hiện đại, an toàn, thân thiện.

2.3.3. Ứng dụng CNTT – chuyển đổi số – trí tuệ nhân tạo: Đẩy mạnh quản lý hồ sơ điện tử, sử dụng phần mềm quản lý trường học, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một số hoạt động dạy học, đánh giá trẻ. Thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia: triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các khoản thu chi của nhà trường, đảm bảo minh bạch, an toàn, thuận tiện.

2.3.4. Xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm: Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc; khuyến khích trẻ được tham gia hoạt động trải nghiệm, phát triển kỹ năng sống; chú trọng giáo dục hòa nhập, đảm bảo quyền học tập của trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

2.3.5. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Đảm bảo khẩu phần ăn cân đối, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 4% vào năm 2027 và dưới 3,5% vào năm 2030; tăng cường các hoạt động giáo dục phát triển thể chất, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ và ngôn ngữ, đáp ứng sự hài lòng của phụ huynh và cộng đồng.

2.3.6. Huy động nguồn lực – hợp tác cộng đồng: Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động sự đóng góp của phụ huynh, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và nhà hảo tâm để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi. Tăng cường phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương, cơ sở y tế, các dự án hỗ trợ giáo dục nhằm mở rộng cơ hội cho trẻ em và nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- **Thông tin chung về nhà trường:** Trường Mầm non số 2 Mường Mươn được thành lập theo Quyết định số 2853/QĐ-UB ngày 31/12/2014 của UBND huyện Mường Chà, đặt tại địa bàn xã Mường Pồn – một xã biên giới. Xã Mường Pồn được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã (Mường Pồn, Mường Mươn) theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025. Mường Pồn là xã biên giới nằm ở phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp xã Thanh Nưa, phía Bắc giáp xã Na Sang, phía Đông Bắc giáp xã Mường Mùn, phía Đông giáp xã Chiềng Sinh, Nà tấu, Mường Phăng, có chiều dài đường biên giới là 27,379km. Tổng

diện tích tự nhiên 25.876,48 ha; tổng số hộ dân là 2.059 hộ, với 10.458 nhân khẩu, 22 thôn/bản, gồm 08 dân tộc chính cùng sinh sống; xã có 22 thôn, bản đặc biệt khó khăn. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của xã giảm còn 25,35%, hộ cận nghèo còn 14,61%.

Mường Pồn đồng thời là 01 trong 248 xã biên giới đất liền được thụ hưởng chính sách ưu tiên đầu tư của Đảng và Nhà nước. Đây là cơ hội quan trọng để hoàn thiện hệ thống giáo dục trên địa bàn, tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của bậc học mầm non trong giai đoạn tới.

- Quy mô lớp học, số lượng trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên:

+ **Quy mô lớp học, số lượng trẻ:** Năm học 2024–2025, Trường Mầm số 2 Mường Mươn có tổng số 13 nhóm/lớp với 247 trẻ. Trong đó: Khối nhà trẻ: 06 nhóm với 90 trẻ, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 71,5%. Khối mẫu giáo: 6 lớp với 157 trẻ, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 100%. So với giai đoạn 2021–2025, quy mô lớp học được duy trì ổn định, đáp ứng cơ bản nhu cầu ra lớp của trẻ trong độ tuổi, góp phần giữ vững kết quả phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Tuy nhiên, do tỷ lệ sinh trên địa bàn giảm, một bộ phận trẻ theo cha mẹ đi làm ăn xa hoặc đăng ký học tại địa phương khác, nên quy mô số lượng trẻ có xu hướng chững lại, ảnh hưởng đến công tác huy động và duy trì sĩ số.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Tổng số 28 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 (Hiệu trưởng 01, Phó Hiệu trưởng 02). Giáo viên trực tiếp giảng dạy: 21 người. Nhân viên: 04 người (kế toán 01, y tế học đường 01, bảo vệ 02).

Chất lượng đội ngũ: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; trong đó 87,5 % trên chuẩn. Giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều đồng chí đạt danh hiệu giáo viên giỏi: 14 cấp trường, 6 cấp huyện, 1 cấp tỉnh. Cán bộ quản lý đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; có năng lực lãnh đạo, quản lý và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục. Nhiều năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và xếp loại tốt chuẩn hiệu trưởng phó hiệu trưởng. Đội ngũ cơ bản ổn định, tâm huyết với nghề, đoàn kết, trách nhiệm cao; tuy nhiên vẫn còn thiếu phó hiệu trưởng, nhân viên cục bộ trong một số thời điểm, nhiều giáo viên phải kiêm nhiệm thêm công việc nhưng chưa được hưởng chế độ tăng giờ phù hợp.

- **Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:** Trường hiện có 13 phòng học (6 kiên cố, 4 bán Kiên cố, 3 tạm) 06 khối phòng hành chính – quản trị (đều là phòng tạm), 06 sân chơi, khu vệ sinh và bếp ăn bán trú. Các hạng mục cơ bản phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên, cơ sở vật chất vẫn còn nhiều hạn chế: phòng học, phòng chức năng còn nhiều phòng tạm, bếp ăn bán trú là bếp tạm. Các hạng mục phụ trợ như sân chơi, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, hàng

rào, công trường chưa đồng bộ. Thiết bị dạy học hiện đại còn thiếu, đặc biệt là tivi thông minh, máy tính để bàn cho trẻ làm quen CNTT, học liệu số phục vụ đổi mới phương pháp giáo dục. Thực trạng này chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT.

- Thuận lợi, khó khăn trong phát triển nhà trường:

Giáo viên phải kiêm nhiệm nhiều phần việc nhưng chế độ trả lương dạy thêm giờ cho bậc mầm non chưa rõ ràng, không được hưởng quyền lợi tăng giờ. Việc thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non chưa kịp thời, lương giáo viên mầm non chưa tương xứng với cường độ công việc (hệ số lương của giáo viên mầm non hiện thấp nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân). Định mức nhân viên còn thấp, nhiều vị trí thiết yếu như văn thư, phục vụ, thư viện, chưa được bố trí đủ, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác hành chính, quản lý học liệu. Chính sách phụ cấp, đãi ngộ đối với nhân viên còn bất cập: lương thấp, chưa tương xứng với khối lượng và tính chất công việc.

Về cơ sở vật chất, hệ thống phòng học, phòng chức năng là phòng tạm nhiều không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, cần được đầu tư xây mới đồng bộ theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT.

Xã Mường Pôn là địa bàn biên giới địa bàn xã rộng, giao thông đi lại giữa các điểm bản khó khăn, dân cư sống không tập trung, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, nguồn lực đầu tư và xã hội hóa còn hạn chế. Xu hướng tỷ lệ sinh giảm, nhiều phụ huynh đưa con đi học nơi khác, quy mô số lượng trẻ có dấu hiệu chững lại, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định, bền vững của nhà trường.

Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm trong giảng dạy và trong công tác chủ nhiệm lớp. Chưa tích cực học hỏi chuyên môn.

Vẫn còn số ít giáo viên về công việc giảng dạy và chủ nhiệm lớp còn hạn chế chưa sáng tạo về thực tế hiện nay.

- Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển các năm trước: Giai đoạn 2021–2025, Trường Mầm non số 2 Mường Mươn duy trì ổn định quy mô 13 nhóm/lớp, tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 100%, trẻ nhà trẻ đạt 77%, giữ vững phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Đội ngũ có 100% giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn trên 87,5%, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp; bước đầu đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT vào dạy học.

Cơ sở vật chất có 13 phòng học, 9 khối phòng hành chính – quản trị, bếp ăn và sân chơi; trang thiết bị được bổ sung hằng năm, song nhiều hạng mục xuống cấp, đặc biệt là phòng học, phòng chức năng, phòng vận động, vệ sinh, chưa đạt chuẩn

theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT. Chưa có thư viện riêng cho trẻ hoạt động đảm bảo yêu cầu thông tư 16/2022/TT-BGDĐT.

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được nâng cao: trẻ chuyên cần đạt trên 96%, suy dinh dưỡng giảm còn dưới 3%; 100% trẻ ăn bán trú, khẩu phần đảm bảo.

Công tác xã hội hóa đạt kết quả bước đầu (trên 50 triệu đồng/năm) nhưng còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư.

Những kết quả nổi bật: môi trường giáo dục xanh – sạch – đẹp – an toàn; 100% viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 17,8% (05/28 người) hoàn thành xuất sắc, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp, tích cực tham gia đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Các định hướng chiến lược cần hướng đến mục tiêu phát triển ở trẻ theo Chương trình GDMN và phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Mầm non số 2 Mường Mươn phấn đấu giữ vững và không ngừng nâng cao tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng cấp độ 2, là điểm sáng về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại khu vực biên giới. Nhà trường hướng tới mô hình giáo dục mầm non chất lượng cao, an toàn, hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm, giúp mỗi trẻ được phát triển toàn diện về thể chất – tình cảm – trí tuệ – thẩm mỹ, tự tin, sáng tạo, có kỹ năng sống cơ bản và sẵn sàng vào lớp 1 đáp ứng yêu cầu giáo dục liên thông chương trình giáo dục phổ thông.

Tập thể sư phạm đoàn kết, vững về chuyên môn, tiên phong trong đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, từng bước tiếp cận xu thế giáo dục thông minh, giáo dục hòa nhập và phát triển bền vững. Trường trở thành địa chỉ tin cậy của phụ huynh, được cộng đồng ghi nhận, góp phần thực hiện thành công mục tiêu nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực ở vùng biên giới.

2. Sứ mệnh

Trường Mầm non số 2 Mường Mươn mang sứ mệnh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em vùng biên giới, xây dựng một môi trường an toàn, yêu thương, hạnh phúc và bình đẳng, nơi mỗi trẻ được khơi dậy tiềm năng, phát triển toàn diện, tự tin bước vào tương lai và có nền tảng vững chắc để hội nhập cùng sự phát triển của đất nước và thế giới.

Nhà trường cam kết lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm cho trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, ngôn ngữ, thẩm mỹ và kỹ năng sống cơ bản, sẵn sàng bước vào lớp 1. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên yêu nghề, vững chuyên môn, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả CNTT và chuyển đổi số, gắn giáo dục với thực tiễn đời sống vùng biên giới.

Khẳng định vai trò của nhà trường trong việc giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, đạt phổ cập bền vững cho trẻ mẫu giáo, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương biên giới giàu đẹp, vững mạnh.

3. Giá trị cốt lõi

Trường Mầm non Số 2 Mường Mươn xác định những giá trị cốt lõi làm nền tảng cho mọi hoạt động giáo dục, quản lý và phát triển nhà trường, bao gồm:

Yêu thương – Dành tình cảm, sự quan tâm chân thành cho mỗi trẻ, tạo dựng môi trường an toàn, hạnh phúc.

Tôn trọng – Tôn trọng sự khác biệt, cá tính và quyền trẻ em; tôn trọng đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

Trách nhiệm – Trách nhiệm trong chăm sóc, giáo dục trẻ; trách nhiệm với nghề nghiệp, tập thể và xã hội.

Sáng tạo – Không ngừng đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ, phát huy ý tưởng sáng tạo trong dạy – học và quản lý.

Hợp tác – Xây dựng tinh thần đoàn kết trong tập thể, hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội, cùng chung tay vì sự phát triển của trẻ.

Hội nhập – Mở rộng tầm nhìn, tiếp cận xu thế đổi mới giáo dục, sẵn sàng thích ứng với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, đảm bảo cho trẻ một nền tảng phát triển bền vững.

4. Phương châm hành động

Trường Mầm non Số 2 Mường Mươn xác định phương châm hành động giai đoạn 2026–2030 là: **"Yêu thương và chăm sóc trẻ, tôn trọng khác biệt, sáng tạo trong giáo dục, hợp tác cùng cộng đồng, bảo tồn văn hóa – Tây Bắc và hội nhập để phát triển bền vững."** Nhà trường đảm bảo trách nhiệm trong mọi hoạt động, sáng tạo trong dạy học và quản lý, hợp tác chặt chẽ với gia đình, cộng đồng và địa phương, đồng thời hội nhập và đổi mới để mang đến cho trẻ nền tảng phát triển toàn diện, giúp trẻ lớn lên vừa tự hào về bản sắc dân tộc, vừa tự tin hòa nhập với thế giới.

IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Mầm non Số 2 Mường Mươn trở thành môi trường giáo dục hạnh phúc, an toàn và toàn diện, nơi trẻ được yêu thương, chăm sóc và phát triển tối đa năng lực; đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục mầm non; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp; hiện đại hóa cơ sở vật chất; cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao, đáp ứng sự hài lòng của cha mẹ và cộng đồng; đồng thời bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng địa phương và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Xây dựng và phát triển đội ngũ: Đến năm 2030, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019, trong đó $\geq 95\%$ giáo viên đạt trên chuẩn. Hàng năm, 100% giáo viên tham gia ít nhất một khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số; phấn đấu đến năm 2030 có trên 30% giáo viên thành thạo thiết kế học liệu số và dạy học STEM. Tỷ lệ giáo viên đạt chuyên môn khá, giỏi duy trì ở mức 100%, trong đó giáo viên dạy giỏi các cấp chiếm trên 71%.

2.2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Hàng năm, 100% trẻ được chăm sóc, giáo dục theo chương trình GDMN; $\geq 95\%$ trẻ đạt yêu cầu các lĩnh vực phát triển, trong đó 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình. Đến năm 2030, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân và thấp còi xuống dưới 3%. Hàng năm, 100% trẻ mẫu giáo tham gia ít nhất hai hoạt động trải nghiệm; từ năm 2027 có tối thiểu 30% lớp triển khai hoạt động STEM – ESED.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị: Hoàn thiện đồng bộ phòng học, bếp ăn, khu vệ sinh và sân chơi đạt chuẩn Thông tư 13/2020 và 23/2024 trong giai đoạn 2029–2030. Đến năm 2029, 100% lớp học được trang bị ti vi hoặc màn hình tương tác thông minh. Trước năm 2030, xây dựng tối thiểu một phòng đa năng và một thư viện riêng cho trẻ.

2.4. Xây dựng trường chuẩn và kiểm định chất lượng: Trước năm 2030, duy trì kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và giữ vững chuẩn quốc gia mức độ 1. Hàng năm tổ chức tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục.

2.5. Phổ cập giáo dục mầm non trẻ 3–5 tuổi: Hàng năm duy trì 100% trẻ 5 tuổi đến trường, trên 99% trẻ 3–4 tuổi ra lớp và tỷ lệ chuyên cần toàn trường đạt từ 96% trở lên.

2.6. Quản trị nhà trường và huy động nguồn lực: Hàng năm, 100% quy trình và quy chế quản lý được số hóa, cập nhật. Huy động bổ sung tối thiểu 5–10% kinh phí ngoài ngân sách để nâng cao cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Mức độ hài lòng của phụ huynh đạt trên 90%.

2.7. Ứng dụng CNTT – chuyển đổi số – AI: Đến năm 2027, 100% giáo viên thành thạo phần mềm quản lý và dạy học trực tuyến. Trước 2028, xây dựng kho học liệu số với ít nhất 200 tài liệu. Trước năm 2030, áp dụng ít nhất một giải pháp AI trong quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục.

2.8. Huy động nguồn lực và xây dựng mối quan hệ với cộng đồng

Từ năm 2026, xây dựng và vận hành các kênh truyền thông chính thức của nhà trường (website, fanpage, Zalo, Facebook), duy trì cập nhật thường xuyên nhằm quảng bá hình ảnh và hoạt động giáo dục.

Hàng năm, phối hợp hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục.

Từ năm 2026–2030, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, đơn vị tại địa phương để hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Trước năm 2030, kết nối được với doanh nghiệp, tổ chức xã hội hoặc nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh, huy động tối thiểu 100–200 triệu đồng phục vụ các dự án nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hoạt động giáo dục của nhà trường.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ vào mục tiêu, các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và thách thức để xác định nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược. Các nhóm giải pháp cần thiết để thực hiện chiến lược là:

1. Điểm mạnh (Strengths)

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó với trường.

Phần lớn giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019, có kinh nghiệm giảng dạy.

Nhà trường đã đạt chuẩn quốc gia, có nền tảng để nâng cao chất lượng và kiểm định cấp độ cao hơn.

Phụ huynh ngày càng quan tâm, phối hợp trong việc đưa trẻ ra lớp, nhất là trẻ 5 tuổi.

Vị trí trường trung tâm xã, thuận lợi hơn so với các điểm bản xa trong công tác huy động trẻ.

2. Điểm yếu (Weaknesses)

Quy mô trường nhỏ, số lượng học sinh và đội ngũ CB-GV-NV ít so với mặt bằng địa bàn.

Nhà trường thiếu nhân viên phục vụ, nhân viên văn thư và nhân viên thư viện, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý và tổ chức; giáo viên, nhân viên phải kiêm nhiệm thêm nhiều phần việc nhưng chưa được hưởng chế độ tăng giờ do hiện nay chưa có quy định đặc thù về chế độ dạy thêm giờ đối với bậc học mầm non.

Chế độ chính sách cho giáo viên mầm non còn bất cập: hệ số lương thấp nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, áp lực công việc cao nhưng đãi ngộ chưa tương xứng.

Công tác thăng hạng giáo viên mầm non còn chậm; hiện chưa có giáo viên hạng I, số giáo viên hạng II bị giới hạn tỉ lệ nên nhiều giáo viên khó có cơ hội thăng hạng, ảnh hưởng động lực phấn đấu.

Cơ sở vật chất còn thiếu đồng bộ: chưa có phòng đa năng, thư viện riêng; một số hạng mục xuống cấp, thiết bị hiện đại chưa đủ.

Năng lực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và đổi mới phương pháp giáo dục (STEM, ESED) chưa đồng đều.

3. Cơ hội (Opportunities)

Được hưởng lợi từ các chương trình, đề án, chính sách ưu tiên cho giáo dục mầm non vùng khó khăn, miền núi, biên giới.

Lệnh Nhà giáo (có hiệu lực từ 01/01/2026) sẽ tạo hành lang pháp lý và chính sách mới, mở ra cơ hội cải thiện chế độ đãi ngộ, thăng hạng, đào tạo bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên mầm non.

Nhu cầu phụ huynh mong muốn con được chăm sóc, giáo dục trong môi trường an toàn, hiện đại.

Sự phát triển công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo tạo điều kiện đổi mới quản lý và phương pháp dạy học.

Khả năng huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm quan tâm đến giáo dục vùng cao, vùng biên giới.

Kế hoạch sắp xếp, sáp nhập các trường mầm non quy mô nhỏ có thể tạo cơ hội tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý.

4. Nguy cơ và Thách thức (Threats/Challenges)

Quy mô nhỏ, sĩ số ít dẫn đến nguy cơ sáp nhập, ảnh hưởng đến tính ổn định, tâm lý đội ngũ, phụ huynh.

Thiếu nhân viên phục vụ, thư viện làm tăng gánh nặng công việc cho CBQL, nhân viên, giáo viên.

Điều kiện kinh tế khó khăn, phụ huynh hạn chế khả năng đóng góp xã hội hóa.

Nguy cơ suy dinh dưỡng, bệnh tật ở trẻ em vùng cao vẫn còn, thách thức việc giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống <3%.

Chính sách tiền lương và đãi ngộ còn thấp, cùng với việc thăng hạng chậm đã làm giảm động lực phấn đấu, hạn chế sự sáng tạo và tinh thần đổi mới trong đội ngũ giáo viên.

Yêu cầu đổi mới (STEM, CNTT, AI, GD hòa nhập) ngày càng cao trong khi năng lực giáo viên và cơ sở vật chất còn hạn chế.

Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gây hư hại cơ sở vật chất, tác động trực tiếp đến hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, làm giảm hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

5. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp

5.1. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Rà soát, bổ sung và thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định nội bộ (quy chế chi tiêu, quy chế dân chủ, phối hợp giữa trường và địa phương).

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền xã để kịp thời tháo gỡ khó khăn về nhân lực, cơ sở vật chất, chính sách cho trẻ vùng khó.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý: triển khai hồ sơ điện tử, ký số văn bản, sử dụng nền tảng trực tuyến phù hợp với điều kiện miền núi còn hạn chế về hạ tầng mạng.

Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý về quản trị hiện đại, quản lý tài chính, nhân sự, kỹ năng số; tổ chức học hỏi kinh nghiệm từ các trường bạn trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện kiểm tra nội bộ thường xuyên, chú trọng đánh giá chất lượng giáo dục theo chuẩn, duy trì và nâng cao trường chuẩn quốc gia.

5.2. Phát triển mạng lưới, quy mô trường lớp, học sinh

Xây dựng kế hoạch phát triển quy mô trường lớp phù hợp điều kiện địa phương, duy trì và sắp xếp hợp lý các nhóm lớp do đặc thù phân bố độ tuổi của học sinh từng năm.

Tích cực phối hợp với thôn, bản và đoàn thể để huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, đặc biệt trẻ nhà trẻ, trẻ dân tộc thiểu số.

Phối hợp chính quyền xã để mở rộng quỹ đất, quy hoạch lâu dài trường chính và điểm trường, đảm bảo đủ diện tích theo chuẩn.

Duy trì tỷ lệ chuyên cần cao bằng cách vận động phụ huynh, gắn kết trách nhiệm cộng đồng trong việc đưa trẻ đến trường đều đặn.

5.3. Phát triển chương trình; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Triển khai chương trình GDMN theo hướng phát triển năng lực, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, văn hóa truyền thống các dân tộc vùng biên.

Đổi mới phương pháp, tăng cường hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài trời, STEM phù hợp điều kiện miền núi.

Cải thiện bữa ăn bán trú, tăng cường dinh dưỡng, kết hợp với phụ huynh tăng gia để bổ sung nguồn thực phẩm an toàn.

Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, ưu tiên qua các hoạt động trò chơi, bài hát.

Thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

5.4. Nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV, NV

Rà soát, bố trí đội ngũ theo vị trí việc làm; đảm bảo đủ theo quy định tại thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị tư tưởng; nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, kỹ năng số, phương pháp dạy học tích cực.

Phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán để chia sẻ kinh nghiệm cho đồng nghiệp.

Đổi mới công tác đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; tạo môi trường làm việc tích cực, động viên tinh thần giáo viên ở vùng khó.

5.5. Đầu tư, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị

Lập kế hoạch, tờ trình tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng quỹ đất cho trường mầm non, đảm bảo quy mô phát triển lâu dài và đáp ứng yêu cầu chuẩn Quốc gia.

Tham mưu xin đầu tư xây dựng phòng học kiên cố, bếp ăn, nhà vệ sinh, sân chơi, ưu tiên các hạng mục đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung; phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quy định hiện hành.

Từng bước trang bị thiết bị hiện đại (ti vi, màn hình tương tác, máy tính) cho các lớp, trước hết ưu tiên cho lớp mẫu giáo lớn.

Xây dựng môi trường giáo dục xanh – sạch – đẹp, thân thiện với trẻ vùng cao, tận dụng cây xanh, vật liệu địa phương và sự tham gia của cộng đồng.

5.6. Tài chính

Quản lý chặt chẽ nguồn ngân sách được cấp; đảm bảo chi đúng, chi đủ, công khai minh bạch.

Huy động nguồn lực xã hội hóa từ phụ huynh phù hợp với điều kiện kinh tế còn khó khăn, theo nguyên tắc tự nguyện.

Sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ từ các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5.7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục

Sử dụng hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý, ưu tiên các ứng dụng gọn nhẹ, dễ dùng.

Xây dựng kho học liệu số của trường, từng bước số hóa tài liệu dạy học.

Đầu tư nâng cấp thiết bị CNTT, khuyến khích giáo viên sử dụng công cụ số trong giảng dạy.

Thí điểm ứng dụng AI trong quản lý và giáo dục.

5.8. Huy động các nguồn lực và xây dựng mối quan hệ với cộng đồng

Đẩy mạnh truyền thông qua website, fanpage, Zalo, Facebook; cập nhật thường xuyên để lan tỏa hình ảnh, kết nối phụ huynh và cộng đồng.

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để cùng giải quyết khó khăn, vận động trẻ ra lớp.

Mở rộng quan hệ với đoàn thể, tổ chức xã hội tại địa phương (Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh...) trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, ngày hội văn hóa cho trẻ.

Kết nối với doanh nghiệp, tổ chức, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh; tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án dành cho vùng biên giới để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, cải thiện chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Chia nhỏ chiến lược thành các kế hoạch hành động cụ thể theo từng năm học.

Xác định rõ thời gian thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực cần thiết cho từng nhiệm vụ.

Năm	Nhiệm vụ chính	Chỉ tiêu cần đạt	Nguồn lực
-----	----------------	------------------	-----------

học			
2025–2026	Rà soát quy hoạch đội ngũ; bồi dưỡng GV; đảm bảo 100% trẻ học theo CT GDMN; lập hồ sơ mở rộng quỹ đất, đề xuất xây mới 2–3 phòng học; thư viện, vận hành website, fanpage.	100% GV tham gia bồi dưỡng; $\geq 95\%$ trẻ đạt yêu cầu phát triển; hoàn thiện hồ sơ đầu tư; kênh truyền thông hoạt động thường xuyên.	Ngân sách huyện, xã hội hóa, tập huấn, phối hợp Ban đại diện CMHS.
2026–2027	Bồi dưỡng chuyên môn, CNTT; giảm suy dinh dưỡng; thí điểm STEM; hoàn thiện khu vệ sinh; phòng đa năng; nộp hồ sơ chuẩn quốc gia; công nhận chuẩn quốc gia mức 1, KĐCL cấp 2	$\geq 20\%$ GV thành thạo học liệu số; suy dinh dưỡng $< 4\%$; $\geq 30\%$ lớp thí điểm STEM; 30% lớp có ti vi; hồ sơ tự đánh giá hoàn thiện.	Ngân sách địa phương, hỗ trợ chương trình mục tiêu, nguồn lực CMHS và đoàn thể.
2027–2028	Phát triển GV dạy giỏi; nâng chất lượng trẻ; trang bị $\geq 70\%$ lớp có thiết bị thông minh; xây dựng kho học liệu số 100 tài liệu; vận động xã hội hóa; hoàn thiện CSVC theo Thông tư 13 & 23;	$\geq 50\%$ GV dạy giỏi huyện; $\geq 25\%$ GV thành thạo STEM; $\geq 95\%$ trẻ đạt yêu cầu; phòng đa năng có hồ sơ đầu tư; kho học liệu ≥ 40 tài liệu; huy động 50–70 triệu.	Ngân sách, dự án giáo dục, xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, nhà hảo tâm.
2028–2029	Nâng cao tỷ lệ GV trên chuẩn; giảm suy dinh dưỡng $< 3,5\%$; 100% lớp có thiết bị thông minh;	$\geq 95\%$ GV trên chuẩn; $\geq 30\%$ GV thành thạo STEM; $\geq 95\%$ trẻ đạt yêu cầu	Ngân sách, xã hội hóa, chương trình kiên cố hóa trường lớp.
2029–2030	Duy trì 100% GV đạt chuẩn, $\geq 95\%$ GV trên chuẩn; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành CT; áp dụng AI trong quản lý.	$\geq 71\%$ GV dạy giỏi các cấp; suy dinh dưỡng $< 3\%$; 100% trẻ 5 tuổi HTCT; kho học liệu ≥ 50 tài liệu; huy động $\geq 100–200$ triệu xã hội hóa; PHHS hài lòng $\geq 90\%$.	Ngân sách, xã hội hóa, hỗ trợ các dự án giáo dục, kết nối doanh nghiệp và nhà hảo tâm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ quản lý

a) Hiệu trưởng

- Chủ trì, tham mưu và đề xuất với UBND xã, Sở GD&ĐT về cơ chế, chính sách, nguồn lực phục vụ triển khai Chiến lược.
- Thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.
- Chỉ đạo tổ chức soạn thảo dự thảo Kế hoạch chiến lược.
- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBQL, GV, NV, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường.
- Xin ý kiến góp ý của chính quyền địa phương; hoàn thiện dự thảo.
- Trình Hội đồng trường xem xét, thông qua và ban hành Kế hoạch chiến lược.
- Trình UBND xã phê duyệt Kế hoạch chiến lược.
- Triển khai phổ biến chiến lược tới toàn thể CBQL, GV, NV và công khai trên Website nhà trường.
- Gửi văn bản kế hoạch cho cơ quan quản lý cấp trên, chi bộ Đảng và các bên liên quan.
- Đại diện nhà trường trong các mối quan hệ với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực và xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân; tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc tiến độ thực hiện.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tiến độ, kết quả triển khai Chiến lược với cơ quan quản lý, UBND xã và Sở GD&ĐT.

b) Phó hiệu trưởng

- Tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Hiệu trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Chiến lược theo lĩnh vực được phân công.
- Chủ động xây dựng dự thảo các kế hoạch hành động chi tiết (năm học, theo quý, tháng) trên cơ sở Kế hoạch Chiến lược và phân công của Hiệu trưởng.
- Trực tiếp phụ trách, điều hành việc triển khai các nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược theo mảng công việc được giao (chuyên môn, nuôi dưỡng – chăm sóc, cơ sở vật chất, công tác thi đua, CNTT – chuyển đổi số,...).

- Hướng dẫn, hỗ trợ và đôn đốc các tổ chuyên môn, đoàn thể và cá nhân trong nhà trường thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công việc.

- Tham gia kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân; tổng hợp kết quả, đề xuất biện pháp xử lý khó khăn, vướng mắc báo cáo Hiệu trưởng.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ và cuối kỳ từ các tổ chuyên môn, đoàn thể và cá nhân; tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh và bổ sung giải pháp khi cần thiết.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo Quyết định phân công nhiệm vụ năm học.

2. Tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ văn phòng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, từng học kỳ, tháng, bám sát Kế hoạch chiến lược và Kế hoạch chung của nhà trường.

- Tổ chức triển khai các giải pháp thuộc lĩnh vực chuyên môn, hành chính – văn phòng do tổ phụ trách; đảm bảo phù hợp với Điều lệ trường mầm non và phân công nhiệm vụ của nhà trường.

- Hướng dẫn, phân công, kiểm tra, đôn đốc giáo viên/nhân viên trong tổ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuyên môn, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và công tác phục vụ theo quy định.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giáo viên/nhân viên trong tổ; kịp thời động viên, nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

- Tổng hợp kết quả thực hiện của tổ theo định kỳ và báo cáo Phó Hiệu trưởng phụ trách; đồng thời tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Chủ động nắm bắt khó khăn, vướng mắc của giáo viên/nhân viên trong tổ để phản ánh, đề xuất với Ban giám hiệu và nhà trường có biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời.

3. Giáo viên, nhân viên

***Đối với giáo viên:**

- Thực hiện nghiêm túc mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược thông qua đổi mới tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non.

- Chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT và hoạt động STEM – ESED.

- Tổ chức tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ toàn diện; chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng xã hội và tình cảm của trẻ.

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng trong việc giáo dục, quản lý, rèn luyện kỹ năng cho trẻ; tham gia đầy đủ các hoạt động do nhà trường, tổ chuyên môn và đoàn thể tổ chức.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ trường mầm non và phân công của Ban giám hiệu.

*** Đối với nhân viên:**

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm được giao (nuôi dưỡng, y tế học đường, kế toán, văn thư, phục vụ, bảo vệ, thư viện...).

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ, đúng quy định các nhiệm vụ chuyên môn gắn với công tác chăm sóc, phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên, tổ chuyên môn và Ban giám hiệu để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường, đoàn thể, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, xanh – sạch – đẹp – thân thiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ trường mầm non và phân công của Ban giám hiệu.

4. Các tổ chức, đoàn thể

*** Hội đồng quản lý giáo dục:**

- Chức năng: Là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà nước và cộng đồng tại đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhiệm vụ chủ yếu:

- + Quyết nghị về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của đơn vị.

- + Thông qua phương án tổ chức bộ máy, nhân sự chủ chốt.

- + Quyết định chủ trương huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, xã hội hóa).

- + Giám sát hoạt động của lãnh đạo đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng chủ trương, pháp luật, nghị quyết HĐQT.

- + Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

***Ban đại diện CMHS:**

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

- Phối hợp với Ban giám hiệu, giáo viên và các tổ chuyên môn trong việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược, đặc biệt là công tác huy động trẻ ra lớp, chăm sóc – giáo dục trẻ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa.

- Huy động sự tham gia, ủng hộ của phụ huynh trong việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường giáo dục và các hoạt động xã hội hóa giáo dục.

- Tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, khó khăn của phụ huynh và cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Cơ chế phối hợp với các tổ chức liên quan

5.1. Cơ chế phối hợp

*** Với cơ sở y tế địa phương:**

- Phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, phòng chống dịch bệnh cho trẻ.

- Hướng dẫn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn bếp ăn bán trú.

- Tập huấn cho giáo viên, nhân viên kỹ năng sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh thường gặp ở trẻ mầm non.

*** Với BQT các bản:**

- Phối hợp trong công tác điều tra phổ cập, huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

- Hỗ trợ tuyên truyền về giáo dục mầm non đến phụ huynh và cộng đồng.

- Tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến trẻ em trong khu dân cư.

*** Với Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ và các đoàn thể khác:**

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, ngày hội, phong trào văn hóa – văn nghệ – thể thao cho trẻ và phụ huynh.

- Tham gia hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

- Huy động lực lượng đoàn viên, hội viên tham gia các hoạt động tình nguyện, vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan nhà trường.

- * Với các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị bộ đội, công an, biên phòng trên địa bàn:**

- Kêu gọi hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, đồ dùng học tập, đồ chơi cho trẻ.
- Phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục truyền thống, rèn kỹ năng sống cho trẻ.
- Hỗ trợ lao động, ngày công, vật liệu trong các hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất.
- Tăng cường phối hợp trong công tác bảo đảm an ninh, an toàn trường học.

5.1. Nguyên tắc phối hợp

- Đảm bảo dân chủ – công khai – minh bạch – hiệu quả, phát huy vai trò trách nhiệm của từng bên liên quan.
- Phối hợp trên cơ sở kế hoạch thống nhất, có phân công rõ ràng về trách nhiệm, thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra.
- Xác định cơ chế theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả phối hợp; kịp thời điều chỉnh khi có khó khăn, vướng mắc.
- Có hình thức ghi nhận, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia và mang lại hiệu quả thiết thực cho nhà trường và cộng đồng.

VIII. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH

1. Cơ chế rà soát, đánh giá định kỳ

Định kỳ cuối học kỳ: Tổ chức rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các hoạt động còn hạn chế.

Cuối năm học: Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm trong toàn trường; báo cáo kết quả với cấp quản lý và các bên liên quan; xác định nhiệm vụ trọng tâm cho năm học tiếp theo.

Kết thúc giai đoạn chiến lược (2030): Tổng kết, đánh giá toàn diện hiệu quả thực hiện Kế hoạch chiến lược, rút ra bài học kinh nghiệm, làm căn cứ để xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo

2. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược

- Việc điều chỉnh phải dựa trên dữ liệu, minh chứng cụ thể, có cơ sở khoa học và phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.
- Thực hiện điều chỉnh kịp thời ngay khi phát hiện vấn đề, tránh kéo dài gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển.
- Đảm bảo có sự tham gia, đồng thuận và phát huy trí tuệ tập thể của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và các bên liên quan.

- Mọi điều chỉnh đều phải hướng tới mục tiêu cuối cùng: giúp Kế hoạch chiến lược đạt được hiệu quả cao nhất, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và phát triển bền vững nhà trường.

Quy trình điều chỉnh Kế hoạch chiến lược

Bước 1. Phát hiện vấn đề, thu thập minh chứng

Người thực hiện: Giáo viên, nhân viên, tổ trưởng/tổ phó chuyên môn, tổ văn phòng.

Nhiệm vụ: Phản ánh những khó khăn, bất cập, đề xuất điều chỉnh dựa trên tình hình thực tiễn; cung cấp minh chứng (số liệu, báo cáo, hình ảnh...).

Bước 2. Tổng hợp, tham mưu điều chỉnh

Người thực hiện: Phó Hiệu trưởng.

Nhiệm vụ: Thu thập thông tin từ các tổ; phân tích dữ liệu; đề xuất phương án điều chỉnh, báo cáo Hiệu trưởng.

Bước 3. Xem xét, thảo luận và quyết định

Người thực hiện: Hiệu trưởng chủ trì; Hội đồng trường thảo luận.

Nhiệm vụ: Hiệu trưởng xem xét, xin ý kiến tập thể (Hội đồng quản lý giáo dục, chi bộ, Ban đại diện CMHS nếu cần thiết); Hội đồng quản lý giáo dục ban hành Nghị quyết thông qua nội dung điều chỉnh.

Bước 4. Triển khai, giám sát và báo cáo

Người thực hiện:

Hiệu trưởng: Ban hành văn bản điều chỉnh, chỉ đạo triển khai.

Phó Hiệu trưởng: Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện.

Tổ trưởng, giáo viên, nhân viên: Thực hiện điều chỉnh theo phân công.

Hội đồng quản lý giáo dục và Ban đại diện CMHS: Giám sát, góp ý.

Nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nội dung điều chỉnh; định kỳ báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm để bảo đảm điều chỉnh đạt hiệu quả.

Nơi nhận:

- UBND xã Mường Pôn;
- Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên;
- CB, GV, NV;
- Ban đại diện CMHS;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Lan Hương

